

Số: 2977/YCBG-BVĐKBN2  
V/v yêu cầu báo giá gói thầu  
Mua sắm vật tư thay thế, vật tư  
phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Gói thầu: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1  
năm 2026-2027**

**Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật  
đợt 1 năm 2026-2027**

---

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027 thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 0222.3821.242

- Địa chỉ email: [bvdkbacninh@gmail.com](mailto:bvdkbacninh@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.*

- Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: [bvdkbacninh@gmail.com](mailto:bvdkbacninh@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 03 tháng 4 năm 2026 đến trước 13h30' ngày 17 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2026.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ yêu cầu chi tiết: *Theo Phụ lục đính kèm.*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hoá:

- Địa điểm giao hàng: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2, đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%

- Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác./.

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HỖXDG.

**GIÁM ĐỐC**

**Hạ Bá Chân**

## Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật

Gói thầu: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027

Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027

(Kèm theo yêu cầu báo giá số: 2977/YCBG-BVĐKBN2 ngày 02/4/2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 5\%$ )
1	Vật tư dùng trong phẫu thuật cố định cột sống ngực, thắt lưng mổ mở			<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ).</li><li>- Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).</li></ul> <p>Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các danh mục hàng hoá phải cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu (<i>Trường hợp các hàng hoá không cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i>).</p>
1.1	Nẹp dọc cột sống ngực, thắt lưng	Cái	300	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li><li>- Chiều dài: 500mm.</li><li>- Đường kính: 5.5mm.</li><li>- Có đường đánh dấu chạy dọc thân nẹp.</li></ul>
1.2	Nẹp nối ngang cột sống ngực, thắt lưng	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li><li>- Chiều dài: ngắn nhất <math>\leq 30</math>mm, dài nhất <math>\geq 60</math>mm, bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li></ul>
1.3	Vít đa trục cột sống ngực, thắt lưng	Cái	1800	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li><li>- Loại vít: Đa trục, góc xoay thân vít so với trục thẳng đứng <math>\geq 25</math> độ.</li><li>- Vít tự taro.</li></ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài vít: ngắn nhất <math>\leq 25\text{mm}</math>, dài nhất <math>\geq 45\text{mm}</math>, bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>- Đường kính: nhỏ nhất <math>\leq 4.0\text{mm}</math>, lớn nhất <math>\geq 7.5\text{mm}</math>, bước tăng đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
1.4	Vít đơn trục cột sống ngực, thắt lưng	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Loại vít: Đơn trục.</li> <li>- Chiều dài vít: ngắn nhất <math>\leq 25\text{mm}</math>, dài nhất <math>\geq 45\text{mm}</math>, bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>- Đường kính: nhỏ nhất <math>\leq 4.0\text{mm}</math>, lớn nhất <math>\geq 7.5\text{mm}</math>, bước tăng đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
1.5	Vít khóa trong cột sống ngực, thắt lưng	Cái	2000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Cơ chế ren vuông hoặc cánh ren ngược hoặc ren chéo.</li> </ul>
2	<b>Vật tư dùng trong phẫu thuật cố định cột sống và hàn xương liên thân đốt sống</b>			<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ).</li> <li>- Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).</li> <li>- Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các danh mục hàng hoá STT2.2, STT2.3, STT2.4 phải cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu (<i>Trường hợp các hàng hoá không cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i>).</li> </ul>
2.1	Miếng ghép đĩa đệm cột sống ngực, thắt lưng	Cái	150	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miếng ghép đĩa đệm cột sống ngực, thắt lưng dạng thẳng.</li> <li>- Chất liệu PEEK (Polyether ether ketone).</li> <li>- Chiều rộng: 10mm.</li> <li>- Chiều dài: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài <math>\geq 32\text{mm}</math>.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều cao: có các chiều cao theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong đó có tối thiểu 01 chiều cao <math>\geq 14\text{mm}</math>.</li> <li>- Số điểm đánh dấu cân quang <math>\geq 3</math> điểm.</li> </ul>
2.2	Nẹp dọc cột sống	Cái	100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dọc cột sống ngực, thắt lưng.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Chiều dài: 500mm.</li> <li>- Đường kính: 5.5mm.</li> <li>- Có đường đánh dấu chạy dọc thân nẹp.</li> </ul>
2.3	Vít đa trục	Cái	500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít đa trục cột sống ngực, thắt lưng.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Loại vít: Đa trục, góc xoay thân vít so với trục thẳng đứng <math>\geq 28</math> độ.</li> <li>- Chiều dài vít: ngắn nhất <math>\leq 25\text{mm}</math>, dài nhất <math>\geq 45\text{mm}</math>, bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>- Đường kính: nhỏ nhất <math>\leq 4.0\text{mm}</math>, lớn nhất <math>\geq 7.5\text{mm}</math>, bước tăng đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
2.4	Vít khóa trong	Cái	500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít khóa trong cột sống ngực, thắt lưng.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Cơ chế ren vuông hoặc cánh ren ngược hoặc ren chéo.</li> </ul>
2.5	Xương nhân tạo	Hộp	150	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xương nhân tạo dạng hạt.</li> <li>- Thành phần và tỉ lệ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 2\text{cc/ Hộp}</math>.</li> </ul>
3	<b>Vật tư dùng trong phẫu thuật cố định cột sống ngực, thắt lưng qua da</b>			<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ).</li> <li>- Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).</li> <li>- Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các danh mục hàng hoá STT3.2, STT3.3,</li> </ul>

				STT3.4 phải cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu ( <i>Trường hợp các hàng hoá không cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i> ).
3.1	Kim định vị và dùi cuông cung	Cái	100	- Đầu kim dạng hình kim cương hoặc đầu vát. - Vỏ cách điện.
3.2	Nẹp dọc dùng cho phẫu thuật qua da	Cái	100	Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật qua da. - Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Đường kính: 5.5mm. - Chiều dài: ngắn nhất $\leq 30\text{mm}$ , dài nhất $\geq 160\text{mm}$ , bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
3.3	Vít đa trục dùng cho phẫu thuật qua da	Cái	200	- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Vít dạng rộng nòng, tự tarô. - Loại vít: Vít đa trục dùng cho phẫu thuật qua da, góc xoay thân vít so với trục thẳng đứng $\geq 28^\circ$ . - Chiều dài vít: ngắn nhất $\leq 35\text{mm}$ , dài nhất $\geq 45\text{mm}$ , bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đường kính: nhỏ nhất $\leq 4.5\text{mm}$ , lớn nhất $\geq 7.5\text{mm}$ , bước tăng đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
3.4	Vít khóa trong dùng cho phẫu thuật qua da	Cái	200	- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Cơ chế ren vuông hoặc cánh ren ngược hoặc ren chéo.
4	<b>Vật tư dùng trong phẫu thuật cố định cột sống cổ sau</b>			Yêu cầu chung: - Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ). - Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản). - Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các danh mục hàng hoá phải cùng một nhà

				sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu ( <i>Trường hợp các hàng hoá không cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i> ).
4.1	Nẹp dọc cột sống cổ sau	Cái	30	- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Chiều dài: 240mm. - Đường kính: 3.5mm.
4.2	Nẹp nối ngang cột sống cổ sau	Cái	10	- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Chiều dài: ngắn nhất $\leq 30$ mm, dài nhất $\geq 50$ mm, bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
4.3	Vít đa trục cột sống cổ sau	Cái	100	Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Loại vít: Đa trục, góc xoay thân vít so với trục thẳng đứng $\geq 30$ độ. - Vít tự taro. - Chiều dài vít: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài $\geq 40$ mm. - Đường kính: nhỏ nhất $\leq 3.5$ mm, lớn nhất $\geq 4.5$ mm, bước tăng đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
4.4	Vít ốc khóa trong cột sống cổ sau	Cái	100	- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium. - Cơ chế ren vuông hoặc cánh ren ngược hoặc ren chéo.
5	<b>Vật tư dùng trong phẫu thuật cố định cột sống cổ trước</b>			Yêu cầu chung: - Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ). - Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các danh mục hàng hoá STT5.1, STT5.7 phải cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu; các danh mục hàng hoá STT5.2, STT5.3, STT5.4, STT 5.5, STT5.6 phải cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu (<i>Trường hợp các hàng hoá không cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i>).</li> </ul>
5.1	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ tự khóa	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu PEEK (Polyether ether ketone).</li> <li>- Chiều rộng: 17mm.</li> <li>- Chiều sâu: 14mm.</li> <li>- Chiều cao: có các chiều cao theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều cao <math>\geq 10\text{mm}</math>.</li> <li>- Vị trí bắt vít: <math>\geq 02</math> vị trí.</li> </ul>
5.2	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ trước	Cái	30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PEEK (Polyether ether ketone).</li> <li>- Chiều cao: có các chiều cao theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều cao <math>\geq 8\text{mm}</math>.</li> <li>- Số điểm đánh dấu cản quang <math>\geq 2</math> điểm.</li> </ul>
5.3	Nẹp cổ trước 1 tầng	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp cổ trước 1 tầng.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Chiều dày nẹp: 2.4mm.</li> <li>- Chiều dài: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài <math>\geq 25\text{mm}</math>.</li> <li>- Trên nẹp có cơ chế khóa vít.</li> </ul>
5.4	Nẹp cổ trước 2 tầng	Cái	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp cổ trước 2 tầng.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Chiều dày nẹp: 2.4mm.</li> <li>- Chiều dài: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài <math>\geq 45\text{mm}</math>.</li> <li>- Trên nẹp có cơ chế khóa vít.</li> </ul>

5.5	Nẹp cổ trước 3 tầng	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp cổ trước 3 tầng</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Chiều dày nẹp: 2.4mm.</li> <li>- Chiều dài: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài <math>\geq 65\text{mm}</math>.</li> <li>- Trên nẹp có cơ chế khóa vít.</li> </ul>
5.6	Vít cột sống cổ trước	Cái	180	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Đường kính vít: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 đường kính <math>\geq 4.5\text{mm}</math>.</li> <li>- Chiều dài: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài <math>\geq 17\text{mm}</math>.</li> </ul>
5.7	Vít tự taro dùng cho miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ tự khóa	Cái	40	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Vít tự taro.</li> <li>- Đường kính: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 đường kính <math>\leq 4.5\text{mm}</math>.</li> <li>- Chiều dài: ngắn nhất <math>\leq 12\text{mm}</math>, dài nhất <math>\geq 15\text{mm}</math>, bước tăng chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
6	<b>Vật tư phẫu thuật dùng cho bệnh nhân loãng xương</b>			<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt hàng STT6.2, STT6.3, STT6.4:</li> <li>+ Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ).</li> <li>+ Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).</li> <li>- Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các danh mục hàng hoá STT6.2, STT6.3, STT6.4 phải cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu (<i>Trường hợp các hàng hoá không cùng một nhà sản xuất hoặc cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản</i></li> </ul>

				<i>xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau).</i>
6.1	Kim đưa xi măng	Cái	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim đưa xi măng.</li> <li>- Đầu kim có khóa để kết nối với dụng cụ bơm xi măng.</li> </ul>
6.2	Nẹp dọc dùng cho vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Nẹp dọc dùng với vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng.</li> <li>- Đường kính: 5.5mm.</li> <li>- Chiều dài: có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài <math>\geq 100</math>mm.</li> </ul>
6.3	Ốc khóa trong cho vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Cái	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Cơ chế khóa của vít khóa trong và mũ vít sử dụng ren.</li> </ul>
6.4	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Cái	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc hợp kim Cobalt-Chromium.</li> <li>- Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng, vít tự taro.</li> <li>- Có lỗ thoát xi măng.</li> <li>- Loại vít: Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng, góc xoay thân vít so với trục thẳng đứng <math>\geq 28</math> độ.</li> <li>- Chiều dài vít: Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 kích thước chiều dài <math>\geq 45</math> mm.</li> <li>- Đường kính: nhỏ nhất <math>\leq 4.5</math>mm, lớn nhất <math>\geq 7.5</math>mm, bước tăng đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
6.5	Xi măng sinh học	Gói	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật cột sống.</li> <li>- Thành phần theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>- Đã được tiệt trùng.</li> <li>- Quy cách: <math>\geq 15</math>g/ gói.</li> </ul>

7	<b>Vật tư dùng cho phẫu thuật nội soi khớp</b>			<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu về xuất xứ: Mặt hàng STT7.1, STT7.2, STT7.5, STT7.6, STT7.7, STT7.8, STT7.9, STT7.10: Xuất xứ G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu.</li> <li>- Yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng: + Mặt hàng STT7.1: Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). + Mặt hàng STT7.2, STT7.3, STT7.4, STT7.5, STT7.6, STT7.7, STT7.8, STT7.9, STT7.10: Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ).</li> </ul>
7.1	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái	700	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa.</li> <li>- Chiều dài: <math>\geq 4.5m</math>.</li> </ul>
7.2	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bền số 2	Sợi	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ không tiêu.</li> <li>- Chất liệu: Polyethylene.</li> <li>- Chỉ số 2 kèm kim.</li> <li>- Chiều dài: <math>\geq 100cm</math>.</li> </ul>
7.3	Lưới bảo khớp các loại, các cỡ	Cái	700	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có răng.</li> <li>- Chiều dài làm việc: 130mm.</li> <li>- Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 3.5mm đến 5.5mm.</li> </ul>
7.4	Lưới cắt đốt bằng sóng radio, các loại	Cái	700	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu cong 90°.</li> <li>- Đường kính mũi theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 3.5mm đến 5.5mm.</li> <li>- Đường kính thân theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 3.5mm đến 4.5mm.</li> <li>- Chiều dài làm việc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 130mm đến 150mm.</li> </ul>
7.5	Mũi khoan ngược	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Có các đường kính theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 5.5mm đến 10mm.</li> </ul>

7.6	Vít cố định dây chằng chéo sinh học tự tiêu	Cái	400	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PLA (Polylactic Acid) hoặc PLLA (Poly-L-Lactic Acid).</li> <li>- Có các đường kính theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 7mm đến 11mm.</li> <li>- Có các chiều dài theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 30mm.</li> </ul>
7.7	Vít neo gân điều chỉnh độ dài	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chốt:</li> <li>+ Chất liệu titanium, có <math>\geq 4</math> lỗ.</li> <li>+ Chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 12mm đến 14mm.</li> <li>+ Chiều rộng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 3.5mm đến 4.5mm.</li> <li>+ Độ dày theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 1.5mm đến 2.0mm.</li> <li>- Có 01 sợi dây kéo.</li> <li>- Vòng treo gân chất liệu: UHMWPE (Ultra-High Molecular Weight Polyethylene).</li> <li>- Điều chỉnh được chiều dài vòng treo tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 50mm.</li> </ul>
7.8	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	50	<p>Có 2 thành phần cho xương chày và xương đùi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần xương chày: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thanh treo: Chất liệu Titanium.</li> <li>+ Vòng treo: Chi siêu bền.</li> <li>+ Kích thước: có tối thiểu 2 kích cỡ: cỡ bé trong khoảng từ 14mm đến 15mm, cỡ lớn trong khoảng từ 17mm đến 18mm.</li> </ul> </li> <li>- Phần xương đùi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thanh treo: Chất liệu Titanium.</li> <li>+ Vòng treo: Chi siêu bền.</li> <li>+ Kích thước: có tối thiểu các kích cỡ trong khoảng từ 11mm đến 13mm, Vòng treo dài tối đa 100mm.</li> </ul> </li> <li>- Thanh treo có cơ chế khóa kép: khóa cơ học kết hợp khóa bằng ma sát.</li> </ul>
7.9	Vít treo gân các cỡ	Cái	500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chốt: chất liệu titanium, có <math>\geq 4</math> lỗ.</li> <li>+ Chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 12mm đến 14mm.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều rộng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 3.5mm đến 4.5mm.</li> <li>+ Độ dày theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu trong khoảng từ 1.5mm đến 2.0mm.</li> <li>- Có 02 sợi dây kéo.</li> <li>- Vòng treo gân chất liệu: polyester hoặc polyethylene.</li> <li>+ Có các chiều dài theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 35mm.</li> </ul>
7.10	Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít neo: tối thiểu 2 neo.</li> <li>+ Chất liệu: PEEK (Poly Ether Ether Ketone).</li> <li>+ Đường kính: 1.3mm.</li> <li>+ Chiều dài: 5.0mm.</li> <li>- Chi:</li> <li>+ Chất liệu: UHMWPE (Ultra-High Molecular Weight Polyethylene).</li> <li>+ Chiều dài: 70cm.</li> </ul>
8	<b>Vật tư dùng cho phẫu thuật răng hàm mặt</b>			<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu về xuất xứ: Mặt hàng STT8.1, STT8.2, STT8.3, STT8.4, STT8.5, STT8.6, STT8.7, STT8.8, STT8.9, STT8.10, STT8.11, STT8.12: Xuất xứ: Các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD).</li> <li>- Yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng: Mặt hàng STT8.1, STT8.2, STT8.3, STT8.4, STT8.5, STT8.6, STT8.7, STT8.8, STT8.9, STT8.10, STT8.12: Đạt tối thiểu chứng nhận/ chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> </ul>
8.1	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ	Cái	130	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp thẳng, 04 lỗ cách đều nhau.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 1.2mm.</li> <li>- Sử dụng được với vít 2.0mm.</li> </ul>
8.2	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp thẳng, 06 lỗ cách đều nhau.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 1.2mm.</li> <li>- Sử dụng được với vít 2.0mm.</li> </ul>
8.3	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp thẳng, 08 lỗ cách đều nhau.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 1.2mm.</li> <li>- Sử dụng được với vít 2.0mm.</li> </ul>
8.4	Nẹp mặt thẳng 16 lỗ	Cái	80	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp thẳng, 16 lỗ cách đều nhau.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 1.2mm.</li> <li>- Sử dụng được với vít 2.0mm.</li> </ul>
8.5	Nẹp mặt thẳng 20 lỗ	Cái	35	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp thẳng, 20 lỗ cách đều nhau.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 1.2mm.</li> <li>- Sử dụng được với vít 2.0mm.</li> </ul>
8.6	Nẹp mặt chữ Y 05 lỗ bắc cầu	Cái	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp mặt chữ Y 05 lỗ bắc cầu.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 0.5mm đến 0.8mm.</li> </ul>
8.7	Nẹp mặt chữ X 04 lỗ bắc cầu	Cái	100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp mặt chữ X 04 lỗ bắc cầu.</li> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Độ dày nẹp: có các kích thước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 0.5mm đến 0.8mm.</li> </ul>
8.8	Vít dùng cho hàm trên và gò má	Cái	2500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Chiều dài: 6.0mm.</li> <li>- Đường kính: 2.0mm.</li> <li>- Vít tự taro.</li> </ul>

8.9	Vít dùng cho hàm dưới	Cái	1100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc Hợp kim Titanium.</li> <li>- Chiều dài: 8.0mm.</li> <li>- Đường kính: 2.0mm.</li> <li>- Vít tự taro.</li> </ul>
8.10	Vít neo chặn	Cái	500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc Hợp kim Titanium.</li> <li>- Đường kính: 2.0mm.</li> <li>- Có các chiều dài theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài trong khoảng từ 8.0mm đến 10.0mm</li> </ul>
8.11	Mũi khoan bắt vít	Cái	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ.</li> <li>- Đường kính: 2.0mm.</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD).</li> </ul>
8.12	Nẹp tạo hình cằm 4 lỗ	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp cằm 04 lỗ.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Độ dày nẹp: có các độ dày theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 0.6mm đến 0.8mm.</li> <li>- Sử dụng được với vít 2.0mm.</li> </ul>

## Mẫu báo giá

Gói thầu: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027

Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư thay thế, vật tư phẫu thuật đợt 1 năm 2026-2027

### BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS (nếu có)	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Thuế suất (%)
1		Hàng hoá A										
2		Hàng hoá B										
n		...										

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 17/4/2026.

4. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

...., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))